

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HC-ST

Ngày: 24/02/2022

V/v Khiếu kiện quyết định
giải quyết tranh chấp đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Khánh

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Đinh Công Khanh
2/ Ông Võ Văn Thới

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Cao Thái Thành – Thư ký Tòa án tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Cẩm Khanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24/02/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thụ lý số 249/2020/TLST-HC, ngày 24/12/2020 về việc “Khiếu kiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 90/2021/QĐXXST-HC ngày 31/12/2021 giữa:

1. *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1966; Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện H, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Văn M – Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn M thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Long An, Địa chỉ: Số 89 đường 838, khu phố Y, thị trấn B, huyện H, tỉnh Long An.

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Ngọc T - Phó Chủ tịch UBND huyện H. (Theo văn bản ủy quyền số 375/UBND-TNMT ngày 22/02/2021).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trần Bá T, sinh năm 1961 – Nguyên Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H, tỉnh Long An. (Theo văn bản cử người số 95/UBND-TNMT ngày 17/01/2022)

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện H, tỉnh Long An.

4. *Người làm chứng:*

- Ông Lê Văn M, sinh năm 1951;

- Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1960;

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện H, tỉnh Long An.

(Tất cả các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, người khởi kiện-Ông Nguyễn Văn M trình bày:

Năm 1986, ông M được cha mẹ cho khoảng 12.000m² đất gồm nhiều thửa, trong đó có thửa 1679, tờ bản đồ số 7, diện tích 775m² tọa lạc Ấp X, xã T, huyện H, tỉnh Long An. Trên thửa 1679, có 01 cái ao ông M chưa san lấp nhưng có đăng ký và vẫn sử dụng. Năm 2019, bà Nguyễn Thị Kim H tranh chấp với ông M diện tích cái ao được UBND xã T hòa giải nhưng không thành. Do đó, ông M nộp đơn tranh chấp và được Chủ tịch UBND huyện H giải quyết tranh chấp đất đai bằng Quyết định số 3332/QĐ-UBND ngày 09/9/20220. Nội dung giải quyết bác đơn tranh chấp của ông M và cho bà Nguyễn Thị Kim H được quyền đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai. Không đồng ý với quyết định giải quyết tranh chấp đất đai của Chủ tịch UBND huyện H nên ông Nguyễn Văn M khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 3332/QĐ-UBND ngày 09/9/20220 của Chủ tịch UBND huyện H.

**** Tại Văn bản số 81/UBND-TCD ngày 14/01/2022, người bị kiện- Chủ tịch UBND huyện H trình bày:***

Nguồn gốc thửa đất 1679 là của ông Lê Văn Trình đào ao để lấy nước sinh hoạt trong gia đình và một số người dân trong khu vực. Hiện nay, qua xác minh cái ao là 01 phần của thửa đất số 1679, tờ bản đồ số 7, diện tích 409m², loại đất nuôi trồng thủy sản. Sau khi ông Trình chết thì ông Nguyễn Văn Xám là cháu ngoại sống chung với ông Trình tiếp tục quản lý, sử dụng. Bà Nguyễn Thị Kim H là vợ ông Nguyễn Văn Xám (kết hôn với ông Xám năm 1991) cùng sử dụng nuôi cá với ông Xám. Tháng 10 năm 2009, ông Xám chết thì bà H tiếp tục sử dụng.

Tại giấy sang nhượng đất ngày 21/9/2000 của ông Nguyễn Văn M đối với thửa 1678 cho ông Lê Văn M, do ông M viết có ghi: “Nay ngày 21/9/2000, mẹ tôi và các anh chị đồng ý sang lại miếng đất cho anh là: Lê Văn M cùng cư ngụ Ấp X, xã T, H, Long An miếng đất giáp ranh Đông, Tây, Nam, Bắc như sau:

Đông giáp ao Nguyễn Văn Xám và Nguyễn Văn M;...”

Tại hồ sơ lưu trữ của UBND huyện, ông Nguyễn Văn M đã được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mẫu giấy trắng (mẫu tỉnh) theo bản đồ 299 (sử dụng năm 1990) thì thửa đất của ông M là thửa 2054 diện tích 1.100m², không có phần hiện đang tranh chấp, còn phần tranh chấp thì thuộc một phần thửa 1679, tờ bản đồ số 7, diện tích 409 m² loại đất nuôi trồng thủy sản (NTS) trước đây theo bản đồ 299 thuộc thửa 1080, diện tích 4.420m², loại đất thổ trước đây là của ông Lê Văn Trình (ông ngoại của ông Xám), sau khi

chết để lại cho ông Nguyễn Văn Xám (chồng bà H, sử dụng ổn định cho đến nay).

Sổ mục kê ghi là đất lúa của ông Nguyễn Văn M là không đúng thực tế. Từ đó, ông M cho rằng đất của ông nhưng ông M không quản lý sử dụng một phần thửa 1679, tờ bản đồ số 7, diện tích 409m² loại đất nuôi trồng thủy sản (NTS) thuộc bà Nguyễn Thị Kim H (vợ ông Xám) quản lý sử dụng.

Việc ông Nguyễn Văn M khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định của Chủ tịch UBND huyện H là không có căn cứ. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Long An bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn M.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - Nguyễn Thị Kim H trình bày:***

Nguồn gốc cái ao thuộc 01 phần thửa 1679 là của ông ngoại chồng bà H là ông Lê Văn Trình. Vợ chồng bà H sống chung với ông Trình nên được cho đất và cả cái ao nước. Khi ông Xám còn sống thì ông M xác định cái ao là của ông Xám. Nhưng khi ông Xám chết năm 2009 và đường lên nhựt năm 2019 thì ông M tranh chấp cho rằng cái ao là của ông M. Do đó, bà Nguyễn Thị Kim H không đồng ý với yêu cầu của ông Nguyễn Văn M.

**** Những người làm chứng - Lê Văn M và Nguyễn Thành Đ trình bày:***

Nguồn gốc cái ao thuộc 01 phần thửa 1679 là của ông Lê Văn Trình, ông ngoại của ông Nguyễn Văn M và là ông ngoại chồng của bà Nguyễn Thị Kim H. Sau khi ông Trình chết thì đều thấy ông M và bà H đều có sử dụng cái ao để sử dụng nước sinh hoạt cho gia đình, sau khi có giếng nước thì không ai sử dụng nước ao nữa.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện Nguyễn Văn M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện xác định: Bà H cho rằng vợ chồng bà H được ông Trình cho cái ao nhưng không có giấy tờ chứng minh. Việc ông M sử dụng thửa 1679 được thể hiện trong Sổ địa chính và Sổ mục kê của UBND xã T. Ông M cho rằng diện tích cái ao 409 m² là của ông M là phù hợp với biên bản kê biên thu hồi đối với 01 phần thửa 1679 thể hiện toàn bộ diện tích thửa 1679 là của ông M và ông M là người được nhận tiền bồi thường 01 phần thửa 1679 từ việc xác định của cơ quan Nhà nước. Theo quy định tại Điều 21 Nghị định 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì ông M có đủ căn cứ để được xác định là người sử dụng hợp pháp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND huyện H: khẳng định giữ nguyên quan điểm theo Văn bản số 81/UBND-NC ngày 14/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện H.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Kim H xác định nguồn gốc đất là của ông ngoại chồng bà H, cũng là ông ngoại của ông M. Vì vậy, bà H đồng ý chia đôi thửa 1679 gồm phần đất ông M đang sử dụng và cái ao để chia cho mỗi bên đều có đất, có ao như nhau. Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch

UBND huyện H xác định, nếu ông M đồng ý với ý kiến của bà H thì Chủ tịch UBND huyện H sẽ thu hồi Quyết định số 3332/QĐ-UBND ngày 09/9/20220 để ban hành quyết định công nhận sự thỏa thuận của ông M và bà H. Tuy nhiên, ông M không đồng ý nên ông Thanh là người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An xác định:

Trong quá trình thụ lý, xét xử, Tòa án làm đúng thủ tục theo quy định Luật Tổ tụng Hành chính. Tại phiên tòa, xác định đúng người tham gia tố tụng, quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong tranh tụng được đảm bảo đúng theo quy định của Luật Tổ tụng Hành chính.

Về nội dung vụ án: Căn cứ biên bản kiểm tra tài sản năm 2017 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện H, căn cứ phiếu chi tiền bồi thường 01 phần thửa 1679 đều thể hiện ông Nguyễn Văn M. Căn cứ vào Sổ mục kê, Sổ địa chính thể hiện ông M đứng tên thửa 1679 và Biên bản thẩm định xem xét tại chỗ ngày 29/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An. Xét thấy, Chủ tịch UBND huyện H bác đơn của ông Nguyễn Văn M là chưa đủ căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M, hủy Quyết định số 3332/QĐ-UBND ngày 09/9/20220 của Chủ tịch UBND huyện H. Chủ tịch UBND huyện H có trách nhiệm giải quyết lại tranh chấp đất đai theo đúng quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự; sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu hủy quyết định giải quyết tranh chấp đất đai của Chủ tịch UBND huyện H là quyết định hành chính thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng Hành chính nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Ông Nguyễn Văn M làm đơn tranh chấp đất đai với bà Nguyễn Thị Kim H và được Chủ tịch UBND huyện H giải quyết bằng Quyết định số 3332/QĐ-UBND ngày 09/9/2020. Do không đồng ý nên ngày 14/12/2020, ông M gửi đơn khởi kiện qua đường bưu điện đến Tòa án là còn thời hiệu theo quy định tại khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng Hành chính.

[3] Về thẩm quyền: Ông M tranh chấp đất đai với bà Nguyễn Thị Kim H được UBND xã T hòa giải nhưng không thành. Do thửa đất đang tranh chấp chưa được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông M lựa chọn nộp đơn yêu cầu UBND huyện H giải quyết nên Chủ tịch UBND huyện H thụ lý giải quyết và ban hành Quyết định số 3332/QĐ-UBND ngày 09/9/2020

giải quyết tranh chấp là đúng trình tự thủ tục và thẩm quyền tại điểm a Khoản 2 Điều 203 Luật Đất đai.

[4] Về nội dung quyết định của Chủ tịch UBND huyện H, xét thấy:

Các đương sự đều xác định thửa đất 1679, tờ bản đồ số 7, tọa lạc xã T, huyện H, tỉnh Long An có nguồn gốc của ông Lê Văn Trình là ông ngoại của ông M và là ông ngoại chồng của bà Nguyễn Thị Kim H. Thửa đất được ông Trình đào ao để lấy nước sinh hoạt cho gia đình. Ông M và bà H đều cho rằng thửa đất trên đã được ông Trình cho nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Những người làm chứng có mặt tại phiên tòa đều xác định riêng diện tích cái ao thì ông M và chồng bà H là ông Xám cùng có thời gian sử dụng.

[5] Theo sổ bộ địa chính đều thể hiện thửa 1679 tên Nguyễn Văn M nên không thể xác định được ông Trình cho ông Xám và ông Xám chết để lại cho bà Nguyễn Thị Kim H. Mặt khác, tại biên bản kiểm đếm tài sản ngày 30/7/2017 khi mở lộ đi qua thửa 1679 thì chính quyền địa phương cũng xác định ông M là chủ thửa đất 1679 và ghi rõ diện tích thửa 1679 của ông M diện tích là 775m² (gồm cả ao), diện tích giải tỏa là 152m² và ông M là người được nhận tiền bồi thường 01 phần thửa 1679 với số tiền là 19.440.000 đồng (theo biên lai ngày 14/12/2018). Do đó, không thể xác định được 01 phần thửa 1679 là diện tích cái ao là của bà H để bác đơn tranh chấp của ông M và công nhận cho bà H để bà H có quyền kê khai theo quy định pháp luật được.

[6] Ngoài ra, bà H cung cấp những người làm chứng như Huỳnh Văn Nù, Lê Thị Tuyết, Nguyễn Thị Bắc và Lê Văn M cũng đều xác nhận nguồn gốc đất ông Trình chứ không xác định bà H và ông Xám được cho phần diện tích cái ao. Những người làm chứng cho ông M gồm bà Lê Thị Giới (sinh năm 1930) và Nguyễn Thị Hiên (sinh năm 1949) là những người cao niên sống ở địa phương xác nhận nguồn gốc thửa đất của ông Trình cho bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị A cho ông M phần đất gắn liền cái ao là thửa 1679 thì không thể chia thửa 1679 làm 02 phần, phần đất thuộc 01 phần thửa 1679 đất BCS là của ông M và phần ao (NTS) thuộc phần còn lại của thửa 1679 là của bà H như Quyết định giải quyết khiếu nại đã nêu là chưa đủ căn cứ.

[7] Chủ tịch UBND huyện H trong quá trình giải quyết chỉ căn cứ vào giấy sang nhượng đất của ông M năm 2000 có nội dung ghi phần giáp ranh đất ông M như sau “Đông giáp ao Nguyễn Văn Xám và Nguyễn Văn M” để xác định chính ông M thừa nhận cái ao của ông Xám là chưa phù hợp. Bởi vì, ông M ghi rõ trên giấy sang nhượng đất ngày 21/9/2000 là “giáp ao Nguyễn Văn Xám và Nguyễn Văn M” chứ không ghi giáp ao của Nguyễn Văn Xám. Hơn nữa, Chủ tịch UBND huyện H xác định bà H sử dụng nhưng ông M cho rằng tại thời điểm ông M tranh chấp và giải quyết thì bà H không sử dụng lại phù hợp với chính lời trình bày của bà H tại phiên tòa là bà H không sử dụng ao cá từ 03 năm trước khi tranh chấp. Việc xác minh những người làm chứng trình bày là chưa đầy đủ để bác đơn ông M và dành quyền đăng ký kê khai cho bà H khi bà H không sử dụng trước thời điểm giải quyết 03 năm là không đúng quy định tại Điều 20 và

Điều 21 của Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về việc xác định sử dụng đất ổn định lâu dài.

[8] Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M về việc yêu cầu hủy quyết định hành chính của Chủ tịch UBND huyện H như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Long An. Lời trình bày của người bảo vệ cho người khởi kiện đề nghị hủy Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai là có căn cứ.

Hủy Quyết định số 3332/QĐ-UBND ngày 09/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H về việc giải quyết tranh chấp đất giữa ông Nguyễn Văn M với bà Nguyễn Thị Kim H đất tọa lạc tại Ấp X, xã T, huyện H, tỉnh Long An.

Chủ tịch UBND huyện H có trách nhiệm thực hiện giải quyết lại tranh chấp đất đai giữa ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Kim H đúng theo quy định Luật Đất đai.

[9] Về chi phí thẩm định thẩm định, xem xét tại chỗ là 1.700.000 đồng, ông M tự nguyện nộp, ông M đã nộp xong.

[10] Về án phí: Chủ tịch UBND huyện H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 31/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông M không phải nộp án phí, hoàn trả cho ông M số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003011 ngày 21/12/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 30, Điều 32 và Điều 193 Luật Tổ tụng Hành chính; Điều 166 và Điều 203 Luật Đất đai;

Áp dụng Điều 18 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M về việc yêu cầu hủy quyết định hành chính của Chủ tịch UBND huyện H.

Hủy Quyết định số 3332/QĐ-UBND ngày 09/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H về việc giải quyết tranh chấp đất giữa ông Nguyễn Văn M với bà Nguyễn Thị Kim H đất tọa lạc tại Ấp X, xã T, huyện H, tỉnh Long An.

Chủ tịch UBND huyện H có trách nhiệm thực hiện giải quyết lại tranh chấp đất đai giữa ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Kim H đúng theo quy định Luật Đất đai.

Về chi phí thẩm định thẩm định, xem xét tại chỗ là 1.700.000 đồng, ông M tự nguyện nộp, ông M đã nộp xong.

Về án phí: Chủ tịch UBND huyện H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 31/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông M không phải nộp án phí, hoàn trả cho ông M số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003011 ngày 21/12/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án hành chính được thi hành theo các Điều 309, Điều 310 và Điều 312 Luật Tổ tụng Hành chính./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Khánh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đình Công Khanh – Võ Văn Thới

Trần Quốc Khánh